

Số: 06/2025/QĐST-DS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2025, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 191/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N;

Địa chỉ trụ sở chính: Số A đường T, Phường H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT;

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bị đơn: Ông Ngô Ngọc K – Chức vụ: Phó phòng Khách hàng Bán lẻ - Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh V;

Địa chỉ liên hệ: Số B đường T, Phường V, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến ngày 10/7/2025, bà Nguyễn Thị H còn nợ Ngân hàng N số tiền là: 7.408.340.669 đồng (bằng chữ: Bảy tỷ, bốn trăm lẻ tám triệu, ba trăm bốn mươi ngàn, sáu trăm sáu mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 6.261.690.147đ (Sáu tỷ, hai trăm sáu mươi một triệu, sáu trăm chín mươi ngàn, một trăm bốn mươi bảy đồng); Nợ lãi là: 1.146.650.522 đ (Một tỷ, một trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi ngàn, năm trăm hai mươi hai đồng)

2.2. Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số nợ gốc và lãi nêu tại mục 2.1 phần này và toàn bộ tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số K28/NH2020 ngày 08/07/2020, Hợp đồng cho vay số K34/NH2020 ngày 26/08/2020, Hợp đồng cho vay số K09/NH2022-VCB ngày 24/01/2022, Hợp đồng cho vay số ND/23-110/MI7 ngày 29/03/2023, kể từ sau ngày 10/7/2025 cho đến ngày thực tế bà Nguyễn Thị H trả hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP N.

2.3. Trường hợp bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh theo mục 2.1 và 2.2 phần này thì Ngân hàng TMCP N thông qua Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của bà Nguyễn Thị H theo (các) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K28/NH2020 ngày 08/07/2020, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K34/NH2020 ngày 26/08/2020, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K09/NH2022-VCB ngày 09/02/2022 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, tài sản thế chấp gồm:

2.3.1. Thửa đất 204, tờ bản đồ 38, địa chỉ: Xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), diện tích 1.195m² đất trồng cây lâu năm (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số **BQ696229** do UBND Huyện T, tỉnh BR-VT cấp ngày 12/09/2014, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CH 09105) tại Hợp đồng thế chấp K28/NH2020 ngày 08/07/2020

2.3.2. Thửa đất 49, tờ bản đồ 46, địa chỉ: Khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Phường P, thành phố Hồ Chí Minh), diện tích 687 m² đất trồng cây lâu năm (Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CN082531** do Sở Tài Nguyên Và Môi Trường tỉnh B-VT cấp ngày 05/07/2018, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CS15196) tại Hợp đồng thế chấp K34/NH2020 ngày 26/08/2020.

2.3.3. Thửa đất số 69, tờ bản đồ 102, địa chỉ tại: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), diện tích 412,2m² (đất ở 300,0m², đất trồng cây HNK 112,2m²) (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CO656433**, số vào sổ cấp GCN: CS05265, do Sở Tài Nguyên Và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 19/09/2018) tại Hợp đồng thế chấp K09/NH2022-VCB ngày **09/02/2022**.

2.4. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu ở mục 3 không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N thì Ngân hàng TMCP N thông qua Ngân hàng TMCP N-Chi nhánh V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3.1. Bà Nguyễn Thị H phải nộp 57.704.170đ (năm mươi bảy triệu, bảy trăm lẻ tư ngàn, một trăm bảy mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Ngân hàng TMCP N không phải nộp án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 57.500.000đ (Năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0000250 ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu (Nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3.3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà H tự nguyện chịu và đã nộp xong.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV 11, TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hiếu